

BẢO TỒN NGUỒN VỐN TỰ NHIÊN - Nguồn lực để phát triển

NGUYỄN VĂN HUY

Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi Khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nguồn vốn tự nhiên (như tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên thủy sản...) không còn là “món quà miễn phí của thượng đế” như nhiều thập kỷ trước đây mà ngày càng cạn kiệt do quá trình khai thác tận diệt, tận thu của con người. Để thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững, việc bảo tồn nguồn vốn tự nhiên là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa to lớn cho tương lai phát triển của đất nước.

Nguồn vốn tự nhiên - Nguồn lực để phát triển

Hiểu một cách đơn giản, nguồn vốn tự nhiên là những tài sản tự nhiên có vai trò cung cấp đầu vào là tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ môi trường cho hoạt động sản xuất kinh tế. Trong nền kinh tế xanh, nguồn vốn tự nhiên là đầu vào cho quá trình sản xuất không gây ô nhiễm, cacbon thấp, đem lại lợi ích trực tiếp cho con người, đặc biệt là người nghèo ở nông thôn. Đầu tư bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững nguồn vốn tự nhiên sẽ làm tăng khả năng phục hồi hệ sinh thái, đem lại hiệu quả nhiều hơn đầu tư vào vốn nhân tạo...

Thế giới của chúng ta đã trải qua một quãng đường dài trong phát triển kinh tế với quan điểm cho rằng tài nguyên thiên nhiên là “món quà miễn phí của thượng đế”. Tuy nhiên, thời kỳ đó đã qua, hiện nay chúng ta đang sống trong một môi trường bị ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nguồn vốn tự nhiên ngày một trở nên khan hiếm và trở thành yếu tố “tối hạn” trong phát triển kinh tế. Dân số thế giới ngày càng tăng, cùng với vô vàn trang thiết bị hiện đại làm tăng khả năng khai thác tự



nhiên thay cho sức lao động của con người. Nếu chúng ta tiếp tục sử dụng nhiều cái mà chúng ta đang có ít đi (*nguồn vốn tự nhiên*) và sử dụng ít cái chúng ta đang có nhiều hơn (*con người, công nghệ - thiết bị*), nguồn vốn tự nhiên sẽ tiếp tục bị suy giảm, sản xuất sẽ bị ảnh hưởng, số người thất nghiệp sẽ ngày càng tăng, làm cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội vốn đang chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay càng khó khăn. Dân số thế giới đã cán mốc 7 tỷ người, việc đầu tư vào

nguồn vốn tự nhiên là vấn đề được đặt ra quan trọng hơn bao giờ hết trong định hướng tăng trưởng xanh của các quốc gia trên toàn cầu.

Từ năm 2008, Chương trình môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) đã đề xuất và tích cực thực hiện Sáng kiến nền kinh tế xanh (Green Economy Initiative), trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc đầu tư để bảo tồn và phát triển các nguồn vốn tự nhiên. Trong Báo cáo về nền kinh tế xanh 2010, UNEP đã phân tích sự cần thiết, khuyến nghị những giải pháp cần thực hiện để hướng



Hội thảo Bảo tồn nguồn vốn tự nhiên tại Hà Nội

tới bảo tồn và phát triển các tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên thủy sản... Báo cáo đã chỉ ra rằng, hướng đến nền kinh tế xanh với trọng tâm đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên sẽ giúp giải quyết được bài toán phát triển kinh tế gắn chặt với việc bảo vệ môi trường, và thông qua việc đầu tư mạnh mẽ vào nguồn vốn tự nhiên, sức khỏe hệ sinh thái sẽ được đảm bảo, các dòng cung ứng dịch vụ hệ sinh thái mới được bền vững, cơ sở hạ tầng xanh của thiên nhiên sẽ được tăng cường để giúp chúng ta giải quyết các thách thức về an ninh lương thực, an ninh năng lượng, ứng phó hiệu quả hơn với biến đổi khí hậu. Và đây cũng là một cách ứng phó hiệu quả hơn với hình thái mới của sự khan hiếm do cạn kiệt nguồn vốn tự nhiên, đảm bảo cơ sở vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội.

Thực trạng nguồn vốn tự nhiên ở nước ta

Trong hơn 20 năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh ở các địa phương, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên thực tế cho thấy, đặc trưng cơ bản của quá trình phát triển kinh tế nước ta trong những năm qua chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên. Việc khai thác theo kiểu "tận diệt" trong hơn hai thập niên vừa qua cũng chính là nguyên nhân dẫn đến sự cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường, phá hủy các hệ sinh thái, tác động nghiêm trọng đến nguồn vốn tự

nhiên tại nước ta. Cụ thể như:

Tài nguyên đất

Với tổng diện tích tự nhiên trên 33 triệu ha và dân số khoảng 90 triệu người, diện tích bình quân đầu người của nước ta đạt khoảng 0,38 ha/người. Cùng với những tiến bộ tích cực trong công tác quản lý đất đai, trong những năm qua đất chưa sử dụng ngày càng có xu hướng giảm mạnh. Đến nay đã có hơn 86% diện tích đất tự nhiên được khai thác đưa vào sử dụng. Diện tích đất chưa sử dụng còn lại chủ yếu là đồi núi, có địa hình phức tạp, chia cắt mạnh, độ dốc lớn, không thuận lợi cho các mục đích sử dụng.

Do dân số tiếp tục gia tăng trong khi quỹ đất thấp, Việt Nam là nước đất chật người đông, bình quân diện tích đất trên đầu người có xu hướng ngày càng giảm. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2005, trong những năm gần đây, thoái hóa đất là xu thế phổ biến trên toàn lãnh thổ nước ta, từ đồng bằng đến trung du, miền núi do xói mòn, rửa trôi, mất chất hữu cơ; khô hạn và sa mạc hóa, ngập úng, lũ; trượt, sạt lở đất; mặn hóa, phèn hóa... Thoái hóa đất dẫn đến nhiều vùng đất bị cằn cỗi, không còn khả năng canh tác và làm tăng diện tích đất hoang mạc hóa.

Việc lạm dụng hoá chất và thuốc trừ sâu trong canh tác nông nghiệp, canh tác không đúng kỹ thuật đang gây ô nhiễm và suy thoái nhiều vùng đất trên phạm vi cả nước. Hàng năm, lượng hóa chất bảo vệ thực vật được sử dụng trong nông nghiệp khoảng 0,5-3,5 kg/ha/vụ. Theo tính toán có tới 50% lượng

đạm, 50% lượng kali và xấp xỉ 80% lượng lân dư thừa trực tiếp hay gián tiếp gây ô nhiễm môi trường đất. Bên cạnh đó, một số vùng đất bị nhiễm độc chất da cam/đioxin do hậu quả của chiến tranh.

Ngoài ra, ở một số nơi, ô nhiễm đất mang tính cục bộ do chất thải đô thị, công nghiệp, làng nghề và khai thác mỏ. Kết quả của một số khảo sát cho thấy, hàm lượng kim loại nặng trong đất gần các khu công nghiệp đã tăng lên trong những năm gần đây, như tại Cụm công nghiệp Phước Long, hàm lượng Cr cao gấp 15 lần so với tiêu chuẩn, Cd cao gấp 1,5 đến 5 lần, Asen cao hơn tiêu chuẩn 1,3 lần.

Tài nguyên nước

Việt Nam có nguồn nước mặt và nước ngầm khá dồi dào. Về nước mặt, tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm của nước ta vào khoảng gần 850 km³, trong đó khoảng 60% thu nhận từ các dòng sông liên quốc gia. Nước ta có khoảng 1.260 con sông, 394 nghìn ha hồ, 56 nghìn ha ao, 85 nghìn ha đầm lầy và khoảng 1 triệu ha đất ngập nước. Tổng trữ lượng nước ngầm có tiềm năng khai thác được của các tầng trữ nước trên toàn lãnh thổ (chưa kể phần hải đảo) ước tính gần 2.000 m³/s, tương ứng khoảng 60 tỷ m³/năm. Tuy nhiên, do lượng mưa biến động mạnh theo thời gian (giữa các năm và các mùa trong năm) và phân bố không đồng đều giữa các vùng trong cả nước, dẫn đến hạn hán về mùa khô và lũ lụt về mùa mưa ở nhiều nơi. Nguồn tài nguyên nước được khai thác đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thủy điện và cho nhu cầu sinh hoạt trước mắt và lâu dài song hiện nay, trữ lượng và chất lượng nguồn tài nguyên này tiếp tục suy giảm do bị ô nhiễm, suy thoái, bị khai thác quá mức ở nhiều nơi.

Trong những năm gần đây, quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ tạo nên nhu cầu sử dụng nước lớn, trong khi vấn đề xử lý nước thải vẫn còn rất yếu kém đã dẫn đến suy giảm nguồn nước và ô nhiễm môi trường nước. Nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nước thải sinh hoạt không được xử lý đã và đang xả trực tiếp, gây ô nhiễm nghiêm trọng nước mặt ở các đoạn sông, kênh rạch, ao hồ, trong các đô thị. Hiện nay, 3 lưu vực sông Cầu, Nhuệ - Đáy, Đồng Nai là 3 lưu vực bị ô nhiễm nặng nhất so với các lưu vực sông khác trong cả nước. Các đánh giá đều cho thấy, chất lượng nước tại các hệ thống sông chính trên cả nước trong những năm gần đây có chiều hướng suy giảm mạnh, nhiều chỉ tiêu như BOD, COD, NH_4 , tổng N, tổng P đều vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5 đến 3 lần, có nơi mức ô nhiễm đã trở nên nghiêm trọng, thậm chí vượt quá tiêu chuẩn cho phép 6-10 lần. Đặc biệt, hàm lượng Asen tìm thấy trong một số mẫu nước ngầm tại Hà Nội là rất cao (48% số mẫu có hàm lượng vượt quá tiêu chuẩn cho phép - 50 $\mu\text{g/l}$ và 20% số mẫu vượt quá 150 $\mu\text{g/l}$). Ngoài ra, khai thác nước ngầm quá mức cũng đã dẫn đến hiện tượng xâm nhập mặn ở nhiều vùng ven biển như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Khánh Hoà, Tiền Giang, Bến Tre, Kiên Giang...

Tài nguyên rừng

Tính đến ngày 31.12.2011, diện tích rừng toàn quốc là 13.515.064 ha (độ che phủ 39,7%), trong đó rừng tự nhiên còn 10.285.383 ha (chiếm 76,1%), rừng trồng có 3.229.681 ha (chiếm 23,9%). Tuy tổng diện tích rừng có tăng trong những năm gần đây, nhưng chất lượng rừng tự nhiên ngày càng suy giảm. Diện tích rừng nguyên sinh giảm sút trầm trọng, hiện chỉ còn



Tài nguyên rừng đang ngày càng bị suy thoái nghiêm trọng

rất ít, chủ yếu tập trung ở các khu rừng phòng hộ và trong các khu bảo tồn thiên nhiên. Phần lớn rừng tự nhiên hiện nay thuộc loại rừng nghèo. Diện tích rừng ngập mặn đã giảm quá nửa trong các thập kỷ trước và vẫn tiếp tục suy giảm trong những năm gần đây.

Đa dạng sinh học

Việt Nam được xem là một trong những trung tâm đa dạng sinh học của thế giới với nhiều hệ sinh thái trên cạn, đất ngập nước, hệ sinh thái biển có tính đặc trưng, đại diện cho khu vực và thế giới. Nhiều loài sinh vật hoang dã quý, hiếm, nhiều nguồn gen có giá trị góp phần làm giàu thêm đa dạng sinh học toàn cầu. Với nhiều kiểu rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, đầm lầy, sông suối, biển... tạo nên môi trường sống cho khoảng 10% tổng số loài chim và thú hoang dã trên thế giới. Việt Nam được Quỹ quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) công nhận có 3 trong số hơn 200 vùng sinh thái toàn cầu; Tổ chức bảo tồn chim quốc tế (Birdlife International) công nhận là 1 trong 5 vùng chim đặc hữu trên toàn thế giới; Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN)

công nhận có 6 trung tâm đa dạng sinh học về thực vật...

Mặc dù vậy, đa dạng sinh học nước ta đang trên đà suy giảm nhanh. Các hệ sinh thái tự nhiên bị thu hẹp diện tích, xuống cấp về chất lượng. Số loài và số cá thể các loài hoang dã giảm mạnh, một số loài đã tuyệt chủng như tê giác 1 sừng. Tài nguyên di truyền bị thất thoát, suy thoái. Xu thế trên đe dọa mất cân bằng sinh thái trên diện rộng, tác động nhiều mặt lên kinh tế, xã hội và môi trường nước ta.

Một số tài nguyên khác

Về tài nguyên khoáng sản, Việt Nam được đánh giá là đa dạng và phong phú về các chủng loại khoáng sản. Tuy nhiên, trong những năm qua, việc khai thác tài nguyên một cách manh mún, nhỏ lẻ, công nghệ khai thác, chế biến lạc hậu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và số lượng tài nguyên khoáng sản ở nước ta. Bên cạnh đó, việc thiếu kiểm soát và ngăn chặn kém hiệu quả các hoạt động khai thác trái phép, xuất khẩu khoáng sản dưới dạng nguyên liệu thô đã và đang làm giảm hiệu quả

khai thác, sử dụng, làm thất thoát tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường và các xung đột lợi ích trong khai thác khoáng sản.

Về tài nguyên thủy sản, trong vùng biển nước ta đã phát hiện được khoảng 11.000 loài sinh vật cư trú trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái điển hình. Trong tổng số loài được phát hiện, có khoảng 6.000 loài động vật đáy, 2.038 loài cá (trong đó có trên 100 loài cá kinh tế), 653 loài rong biển, 657 loài động vật phù du, 537 loài thực vật phù du, 94 loài thực vật ngập mặn, 225 loài tôm, 14 loài cỏ biển, 15 loài rạn, 12 loài thú, 5 loài rùa, 43 loài chim nước. Trữ lượng hải sản có giá trị ở biển Việt Nam khoảng 3.500.000 tấn. Tuy nhiên trong những năm gần đây, nguồn lợi thủy sản thuộc các thủy vực và vùng biển ven bờ tiếp tục bị khai thác quá giới hạn cho phép, mất dần khả năng tự tái tạo, phục hồi; việc sử dụng các công cụ, phương tiện khai thác hủy diệt, khai thác vào các khu vực cấm, thời gian cấm... đã làm suy kiệt nguồn lợi thủy sản.

Tóm lại, trong bối cảnh biến đổi khí hậu tác động ngày càng tiêu cực và diễn biến khó lường, các thách thức càng trở nên nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quá trình phát triển bền vững và tạo ra các nguy cơ, rào cản lớn cho công cuộc xóa đói giảm nghèo khi nguồn sinh kế của người dân chủ yếu dựa vào nguồn vốn tự nhiên, khi sự thịnh vượng của quốc gia vốn chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên do thiên nhiên ưu đãi ban tặng thì cũng sẽ dễ dàng chịu “lời nguyền của tài nguyên” nếu nguồn vốn tự nhiên không được chú trọng đầu tư và tái đầu tư cho phát triển. Với mục tiêu trong một tương lai không xa cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển thịnh vượng, việc thúc đẩy tăng trưởng xanh nhằm

chuyển đổi qua nền kinh tế xanh với trọng tâm đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên chắc chắn cũng sẽ là một trong những vấn đề hệ trọng, có ý nghĩa to lớn cho tương lai phát triển của đất nước.

Giải pháp đầu tư và bảo tồn nguồn vốn tự nhiên

Trong bối cảnh nguồn vốn tự nhiên đã và đang bị cạn kiệt, mục tiêu quan trọng nhất hiện nay là: chúng ta cần chú trọng phục hồi các nguồn vốn tự nhiên đã bị suy thoái, xuống cấp; duy trì, giữ vững nguồn vốn tự nhiên quan trọng; và phát triển thêm các nguồn vốn tự nhiên. Để đạt được các mục tiêu này, một số giải pháp cần được thực hiện là:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách để đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên quốc gia.

Hai là, đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án khắc phục, cải tạo vùng đất, nguồn nước bị ô nhiễm và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Ba là, cần điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị và xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn vốn tự nhiên. Nghiên cứu xây dựng hệ thống pháp luật, quy trình, quy chuẩn, hướng dẫn về định giá, lượng hóa giá trị, hạch toán, lập tài khoản về các nguồn tài nguyên, các giá trị của môi trường và thực hiện các phương án lựa chọn trong khai thác, sử dụng tài nguyên và các giá trị môi trường phù hợp với thông lệ quốc tế để thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Bốn là, tăng cường nguồn lực

đầu tư vào công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; hình thành các quỹ ủy thác để thu hút và quản lý vốn đầu tư cho mục đích bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường.

Năm là, hoàn thiện và xây dựng mới các chế tài cụ thể về kinh tế và hành chính nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các cấp chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương đối với công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường; đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế dựa trên cơ chế thị trường để điều tiết vĩ mô, thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường, ít chất thải và các bon thấp, đồng thời thúc đẩy khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Đẩy mạnh tìm kiếm, khai thác các nguồn tài nguyên mới, vật liệu mới, năng lượng mới thay thế các nguồn tài nguyên, năng lượng truyền thống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Sáu là, thúc đẩy các ngành kinh tế xanh, công nghiệp hóa sạch thông qua sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh, giao thông xanh, xây dựng xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên. Khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển ngành kinh tế xanh, cơ sở hạ tầng dịch vụ hệ sinh thái, các khu bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy giảm ■